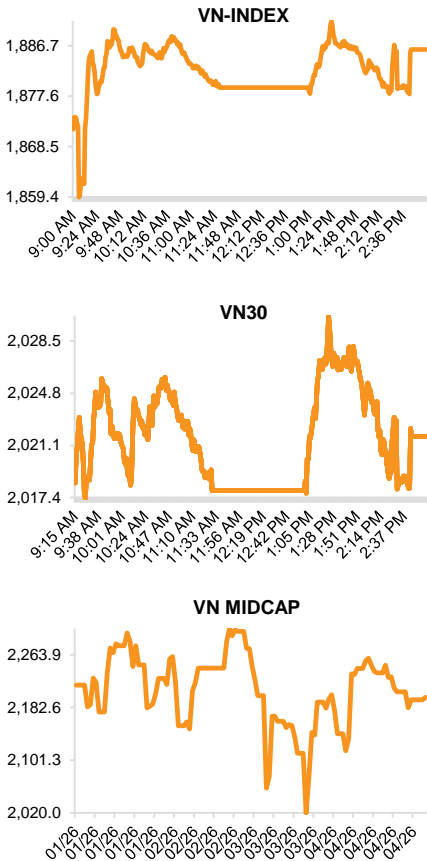


**KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
☎ +84 2439724568  
✉ Research@vndirect.com.vn  
🌐 vndirect.com.vn



**Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ**

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.886,0	271,8	126,1
1 ngày (%)	0,5	1,6	0,4
1 tháng (%)	1,8	7,9	-1,1
Từ 2026	5,7	9,3	4,2
1 năm (%)	43,5	25,6	31,1
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	335	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,7	1,0	0,4
Số mã tăng	129	59	104
Số mã giảm	175	65	131
Số mã tham chiếu	99	170	504

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Thị trường chứng khoán**

**VN-Index tăng 0.5%, diễn biến ngành phân hóa**

Phiên giao dịch ngày 25/5/2026 ghi nhận VN-Index hồi phục trong bối cảnh phân hóa mạnh giữa nhóm cổ phiếu trụ và thị trường trên diện rộng. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.886,0 điểm, tăng 8,9 điểm (+0,5%). Độ rộng thị trường tiếp tục nghiêng về phía tiêu cực với 126 mã tăng (3 mã tăng trần), 174 mã giảm (không có mã giảm sàn) và 72 mã đứng giá. HNX-Index tăng lên 271,8 điểm (+1,6%).

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.021,7 điểm (+0,5%), với 18 mã tăng và 10 mã giảm, phản ánh lực mua tập trung rõ ràng tại nhóm vốn hóa lớn.

Có 11 trong tổng số 19 nhóm ngành ghi nhận mức tăng. Du lịch & Giải trí dẫn đầu với 2,0%, tiếp theo là Bất động sản (+1,5%), Xây dựng & Vật liệu (+0,9%), Tài nguyên (+0,8%) và Ngân hàng (+0,7%). Ở chiều ngược lại, Dầu khí tiếp tục lao dốc 5,0%, trong khi Hóa chất và Công nghệ cùng giảm 2,0%. Đáng chú ý, VHM bứt phá 3,2% với thanh khoản đạt 579,6 tỷ đồng và ACB tăng 3,1% với 712,4 tỷ đồng, là hai mã đóng góp lớn nhất vào đà tăng của chỉ số.

Thanh khoản HoSE đạt 13,9 nghìn tỷ đồng, giảm 25,6% so với phiên trước. Khối ngoại tiếp tục bán ròng 1.914,6 tỷ đồng; tuy nhiên, gần 80% giá trị tập trung vào mã MSB (-1.483,9 tỷ đồng) dù cổ phiếu này vẫn tăng nhẹ 0,4%. Ở chiều ngược lại, dòng vốn ngoại mua ròng tập trung tại MSN (+145,3 tỷ đồng), HDB (+112,0 tỷ đồng) và VIC (+66,5 tỷ đồng).

**Chúng tôi khuyến nghị:** 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm cho thấy đã phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đà tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

**Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH**

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,3	195,5	3,8	0,6	4,2	-3,6	11,2	3,7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,7	19,8	4,9	0,3	-2,6	-9,7	10,8	-17,9
Năng lượng	2,5	15,5	1,9	-5,0	7,5	51,9	111,0	38,6
Tài chính	36,8	12,0	1,8	0,5	1,7	3,5	27,4	-9,0
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,4	2,4	0,3	-1,3	-5,7	-0,4	14,8
Công nghiệp	6,9	23,5	4,2	1,0	-0,2	-6,3	30,8	-1,4
Công nghệ thông tin	1,6	13,2	3,1	-2,0	-0,5	-21,1	-23,1	-12,8
Vật liệu xây dựng	5,7	18,4	1,8	-0,7	-1,8	9,7	20,4	-2,9
Bất động sản	30,9	97,0	7,8	1,5	4,6	23,3	263,2	-40,1
Dịch vụ tiện ích	3,8	14,6	2,3	-2,0	2,9	9,2	22,9	116,6

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tuần 18/5 – 22/5

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Tổng thống Trump tuyên bố Mỹ và Iran đã cơ bản hoàn tất thỏa thuận đình chiến 60 ngày, bao gồm việc dỡ bỏ phong tỏa cảng, mở lại eo biển Hormuz miễn phí và cho phép Iran xuất khẩu dầu trở lại, song thị trường vẫn giữ thái độ trung lập do phía Tehran chưa chính thức xác nhận.
- **Dự báo:** Liên Hợp Quốc hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 xuống 2,5% và cảnh báo lạm phát có thể lên mức 3,9%.
- **Mỹ:** Biên bản họp FOMC cho thấy Fed cân nhắc khả năng tăng lãi suất nếu lạm phát duy trì trên 2,0%, đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm lên vùng 4,6%. Kevin Warsh chính thức tuyên thệ nhậm chức Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, cam kết cải tổ và duy trì tính độc lập của ngân hàng trung ương trong bối cảnh Tổng thống Trump liên tục gây áp lực ưu tiên tăng trưởng và cắt giảm lãi suất.
- **Trung Quốc:** Cầu nội địa tiếp tục suy yếu khi sản lượng công nghiệp tháng 4 chỉ tăng 4,1% svck và doanh số bán lẻ tăng 0,2% svck (thấp nhất kể từ tháng 12/2022). Trong bối cảnh đó, PboC tiếp tục giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản tháng thứ 12 liên tiếp do thanh khoản liên ngân hàng vẫn đang dồi dào.

Tin vĩ mô trong nước

- **Tỷ giá:** Tỷ giá LNH ghi nhận biến động nhẹ. Kết thúc phiên 22/05, tỷ giá LNH đóng cửa tại 26.368 VND/USD, tăng 12 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Chỉ số DXY đóng cửa tại 99,2 điểm, tăng 0,4% svck.
- **OMO và lãi suất liên ngân hàng:** Lãi suất liên ngân hàng tăng qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn. Lãi suất qua đêm tăng lên 6,70% (+1,4 điểm % svck tuần) và lãi suất một tuần tăng lên 6,30% (+0,7 điểm % svck tuần). Tính đến tuần kết thúc ngày 22/5, NHNN hút ròng 8 nghìn tỷ đồng qua kênh thị trường mở, dư nợ cầm cố lưu hành ở mức 301,6 nghìn tỷ đồng.
- **Trái phiếu chính phủ:** Lợi suất đi ngang ở các kỳ hạn ngắn và tăng nhẹ ở các kỳ hạn còn lại (1 năm: 3,3%, 5 năm: 4,1%; 10 năm: 4,3%).

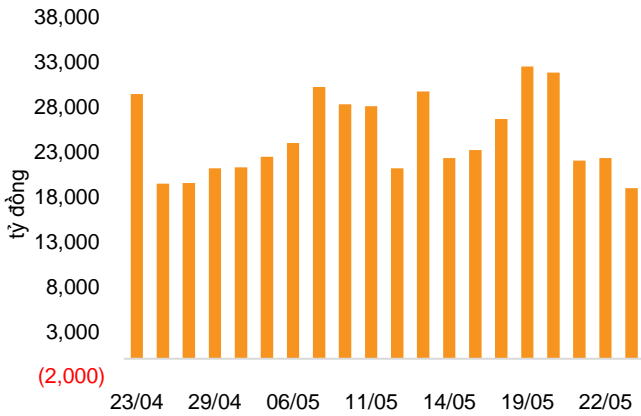
Tin ngành và doanh nghiệp

- **VHM:** Triển khai chương trình hỗ trợ khách hàng sử dụng vàng để giao dịch bất động sản với thời hạn cam kết 5 năm. Theo đó, nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếp tục sở hữu tài sản hoặc nhận lại khoản tiền mặt tương đương 110,0% giá trị quy đổi ban đầu.
- **POW:** Ghi nhận lợi nhuận trước thuế 5T/26 đạt 1,8 nghìn tỷ đồng, vượt 36,0% kế hoạch năm 2026 nhờ mức sản lượng 10,5 tỷ kWh và quy mô doanh thu 24,0 nghìn tỷ đồng.
- **GMD:** Thông qua nghị quyết thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Nam Đình Vũ với quy mô vốn điều lệ 500,0 tỷ đồng và đóng góp 300,0 tỷ đồng (60,0% cổ phần) nhằm phục vụ chiến lược tái cấu trúc hệ sinh thái.
- **BSI:** Thông qua kế hoạch phát hành 24,5 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 10,0%, dự kiến nâng quy mô vốn điều lệ lên 2,7 nghìn tỷ đồng trong năm 2026.
- **DBC:** Chốt danh sách cổ đông vào ngày 8/6, triển khai phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với tỷ lệ 15,0% và thông qua việc chi trả 109,0 tỷ đồng tiền mặt kết hợp phát hành 46,2 triệu cổ phiếu thưởng.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

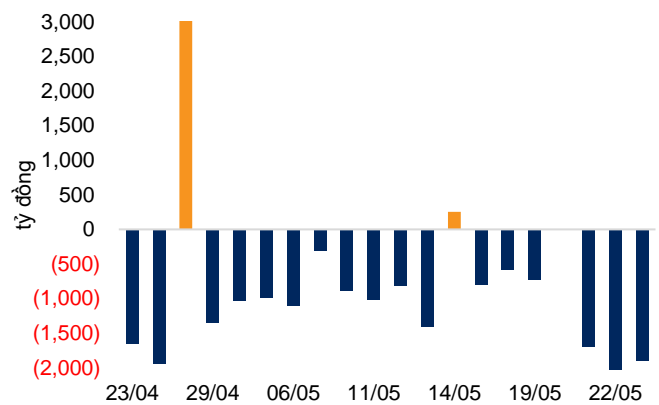
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 26/05/2026	Mỹ	Chỉ số niềm tin người tiêu dùng tháng 5.2026
Thứ Năm, 28/05/2026	Mỹ	Số liệu chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 4.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



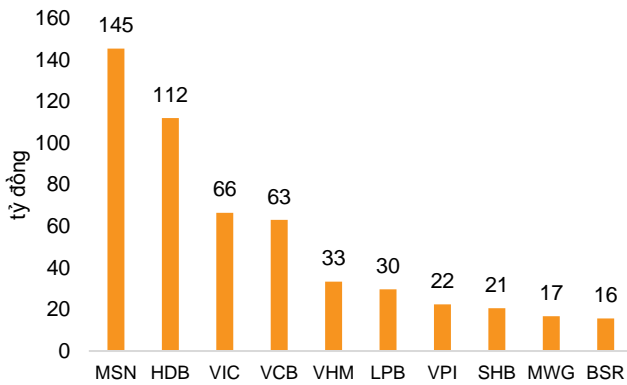
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



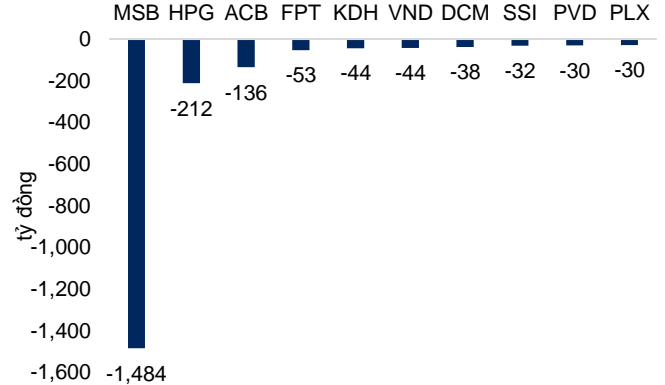
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



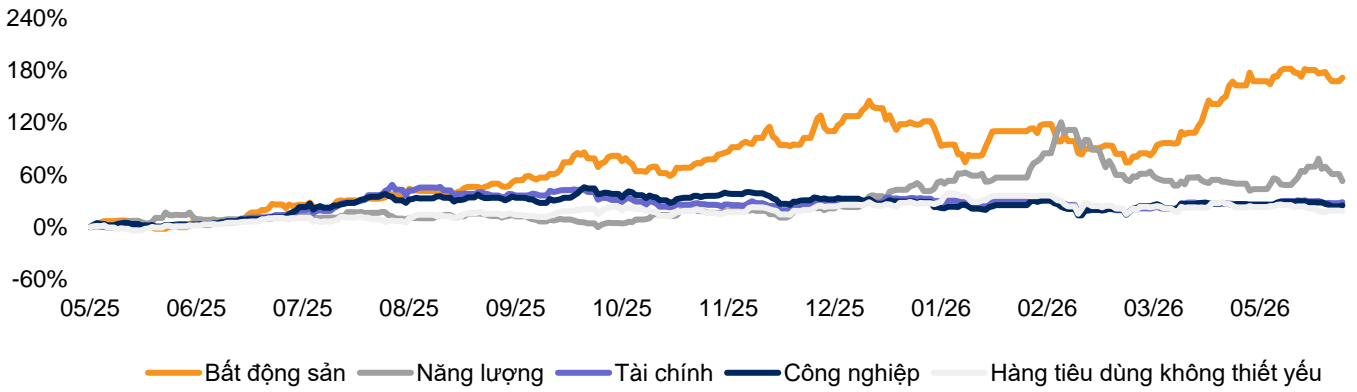
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	1,0%	4,6%	19,4	1,6	-10,9%	2,3%	159.852	1,5%	17.878	0,6%	5,9%
Ấn Độ	NSE500 Index	1,2%	-3,9%	24,4	3,2	14,5%	1,2%	11.080	6,8%	-23.351	-1,1%	-10,6%
Indonesia	JCI Index	0,7%	-28,2%	14,5	1,6	11,8%	4,1%	966	6,7%	-2.461	-3,0%	-8,4%
Singapore	FSTAS Index	0,2%	9,0%	17,6	1,5	9,3%	4,3%	1.600	1,7%	1.156	-0,2%	0,5%
Malaysia	FBME Index	-0,2%	3,1%	16,7	1,5	8,3%	3,8%	743	3,4%	58	0,0%	6,7%
Philippines	PCOMP Index	0,4%	-2,9%	7,8	0,5	6,3%	3,9%	100	5,8%	-90	-1,2%	-9,8%
Thái Lan	SET Index	0,8%	23,1%	12,8	1,4	8,8%	4,3%	1.968	1,7%	687	-0,4%	0,4%
Việt Nam	VN-Index	0,5%	5,7%	15,3	2,1	15,1%	1,4%	894	4,1%	-2.189	0,0%	-1,7%

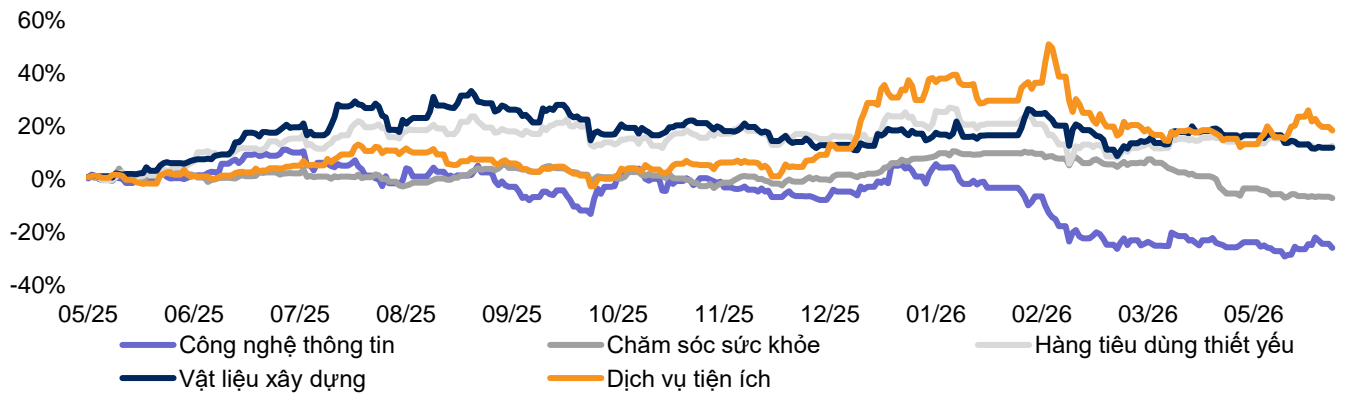
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)**



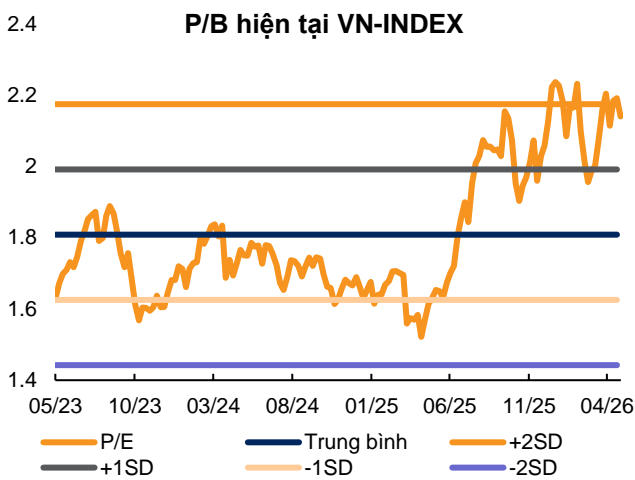
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)**



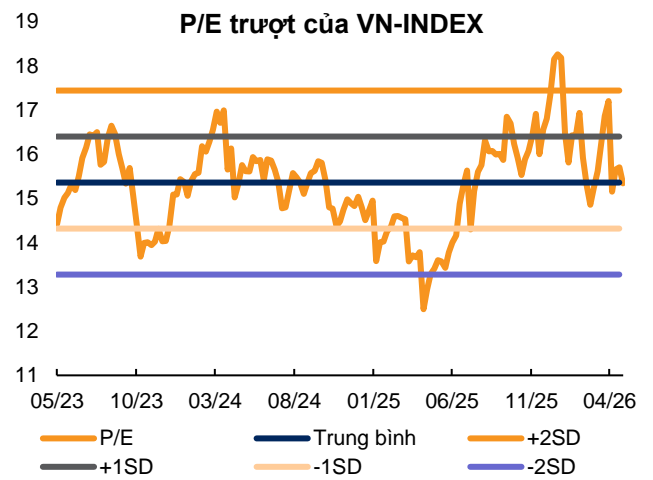
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 10: P/B HIỆN TẠI**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 11: P/E TRƯỢT**



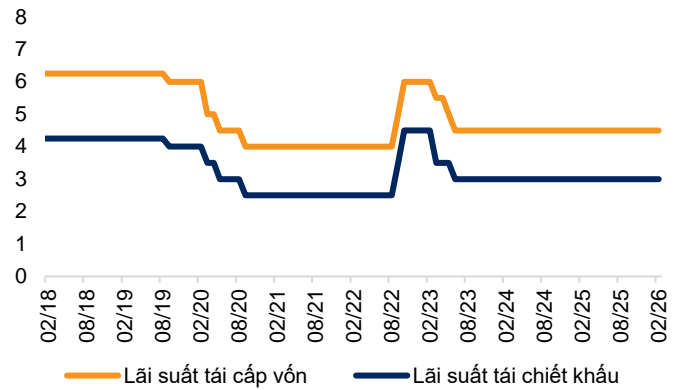
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,07	0,1	0,2	25,0	65,4
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	5,63	-8,5	37,3	241,2	56,4
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,10	3,3	3,2	-13,9	63,2
USD/VND	26,357	0,0	0,0	-0,2	-1,7
DXY	98,98	-0,3	0,5	0,7	-0,1
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,56	-0,3	5,9	9,4	0,6
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,17	0,8	9,3	17,9	5,2

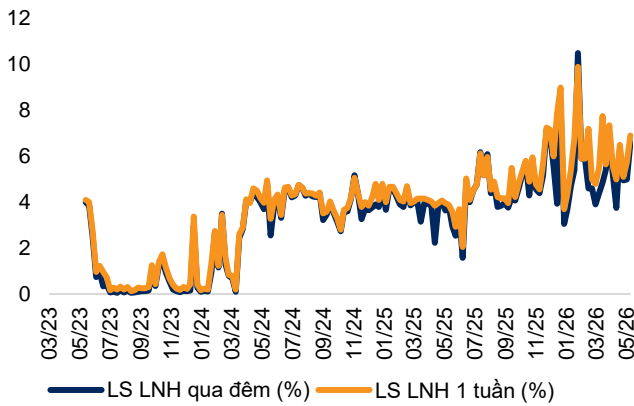
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



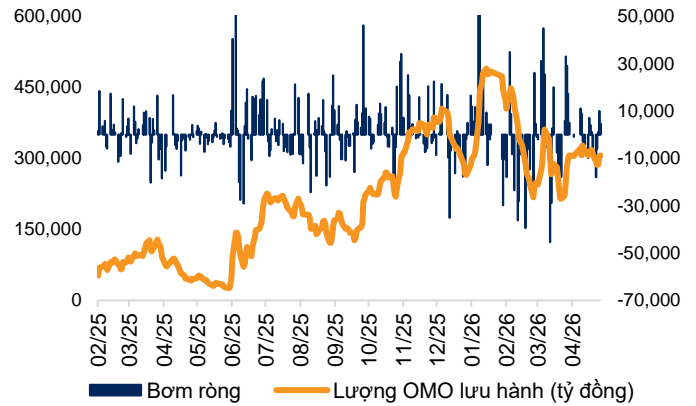
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



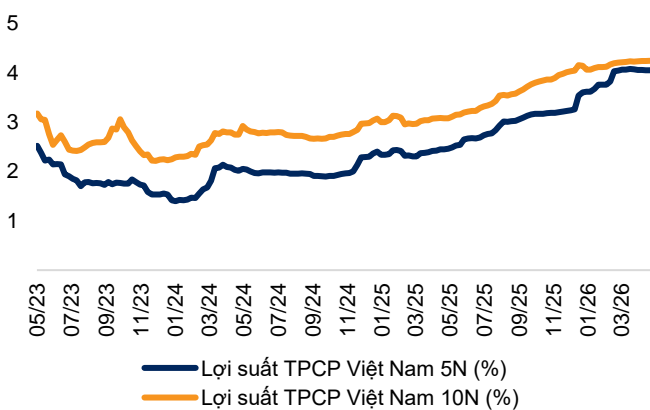
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



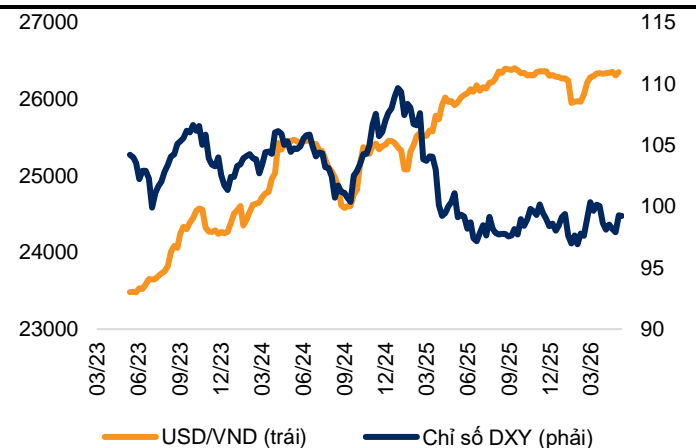
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-6,0%	-3,8%	47,6%
Brent Crude	-5,9%	-7,5%	50,5%
JKM LNG	-1,2%	9,6%	63,1%
Henry Hub LNG	-4,0%	8,7%	44,5%
NW Thermal Coal	-7,0%	7,2%	-3,0%
Singapore Platt FO	0,2%	7,2%	57,7%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	1,1%	-3,1%	35,9%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-0,7%	-2,7%	129,7%
Bạch kim	2,0%	-1,8%	81,8%

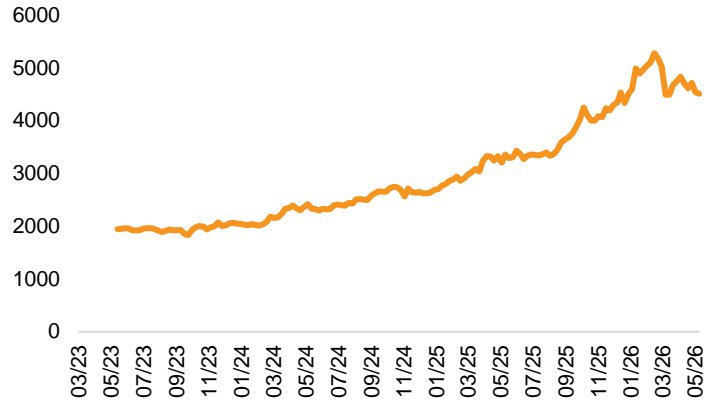
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	2,5%	613,4%
Đồng	1,4%	3,5%	36,4%
Nhôm	0,4%	0,6%	50,7%
Niken	1,0%	2,5%	22,3%
Kẽm	0,1%	2,2%	10,0%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,1%	2,3%	-2,3%
Quặng sắt	0,6%	0,8%	6,2%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,2%	17,0%	0,5%
Arabica	-0,4%	-9,9%	-24,5%
Đường	-1,3%	8,3%	-15,5%
Cacao	0,8%	13,7%	-63,1%
Dầu cọ	-0,3%	-3,1%	NA
Bông	-0,7%	1,4%	18,0%
Sữa bột	0,0%	0,5%	-8,9%
Lúa mì	-0,2%	7,8%	18,7%
Đậu tương	0,2%	2,7%	12,1%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	-0,1%	0,8%	18,9%
Urê	-5,7%	-18,8%	66,4%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-1,3%	10,0%	9,4%
Gia súc	-0,3%	-0,2%	17,8%

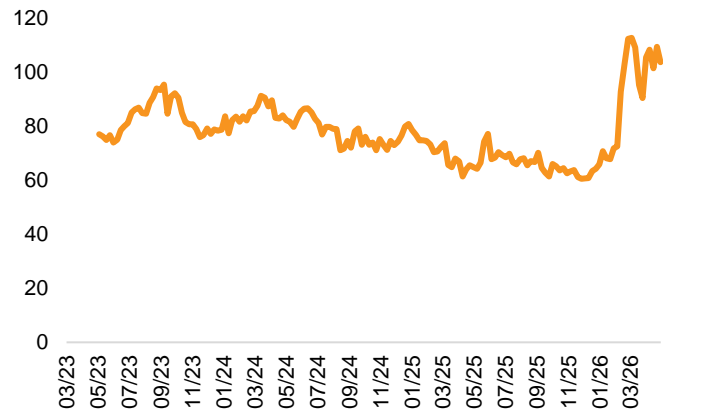
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



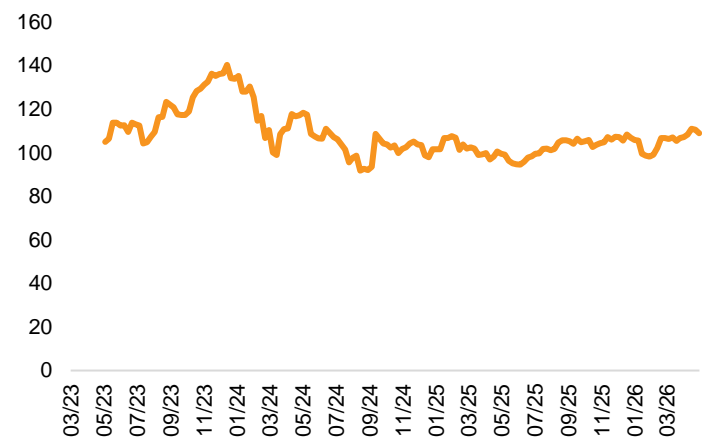
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Hàng không</b>										
ACV	5.953	2,0	2.809	43.800	73.300	68,6%	1,2%	14,7	2,2	16%
AST	123	0,0	4	71.900	85.400	20,2%	1,4%	11,0	4,7	47%
HVN	2.509	1,1	545	21.250	43.400	107,2%	2,9%	8,4	11,1	
VJC	3.901	8,3	925	173.800	113.600	-34,1%	0,6%	39,4	4,0	11%
<b>Bán lẻ</b>										
BAF	400	2,7	189	34.700	37.200	7,2%		54,8	2,6	4%
DGW	344	3,6	90	41.000	49.600	23,4%	2,4%	14,1	2,5	19%
FRT	841	2,3	146	130.100	150.300	15,8%	0,3%	24,2	5,0	28%
MCH	6.434	2,1		131.000	147.000	13,8%	1,6%	24,7	9,9	42%
MWG	4.385	23,4	7	78.700	96.300	23,6%	1,3%	14,1	3,3	25%
PNJ	1.248	5,3	18	64.300	109.900	72,0%	1,0%	9,4	2,3	28%
QNS	682	0,3	277	48.900	53.400	13,3%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.331	1,6	967	47.900	59.900	31,3%	6,3%	13,2	2,8	21%
VHC	477	2,3		60.000	71.300	22,2%	3,3%	9,0	1,4	16%
VNM	4.686	12,8	2.398	59.100	74.800	31,4%	4,8%	13,4	3,8	28%
<b>Tài chính</b>										
ACB	4.590	12,3	232	23.550	31.300	36,6%	3,7%	7,4	1,2	18%
BID	11.877	13,6	1.472	43.000	47.200	10,8%	1,0%	9,8	1,7	18%
CTG	10.255	13,2	500	34.800	49.000	41,7%	0,9%	7,1	1,4	22%
HDB	5.013	13,8	265	26.400	39.500	52,1%	2,4%	7,2	1,6	25%
LPB	6.120	2,9	245	54.000	33.400	-32,6%	5,6%	14,4	3,3	23%
MBB	7.579	19,2	38	24.800	32.900	34,7%	2,0%	7,2	1,4	21%
STB	5.007	21,9	901	70.000	45.700	-33,8%	0,9%	17,2	2,1	8%
TCB	8.751	16,2	15	32.550	40.300	26,0%	2,2%	8,9	1,3	16%
TPB	1.642	7,2	102	15.600	17.800	20,2%	6,1%	5,9	1,0	18%
VCB	20.194	20,7	1.972	63.700	69.300	9,5%	0,7%	14,8	2,3	16%
VIB	2.053	3,8	4	15.900	23.600	54,1%	5,7%	7,1	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.127	16,8	444	27.000	37.100	39,3%	1,9%	8,1	1,2	16%
<b>Dệt may</b>										
MSH	149	0,6	63	35.000	40.600	18,9%	2,9%	6,4	2,1	33%
TCM	95	1,0	2	21.350	29.800	41,8%	2,2%	10,9	1,0	10%
<b>Khu công nghiệp</b>										
BCM	2.093	1,5	693	53.300	68.600	30,8%	2,1%	16,4	2,5	16%
GMD	1.207	5,6	92	74.600	72.000	-0,5%	2,9%	18,2	2,3	13%
HAH	349	4,2	65	54.400	55.400	3,3%	1,4%	7,6	2,0	27%
VSC	290	6,2	139	20.400	19.100	-3,9%	2,5%	27,9	1,5	6%
IDC	621	4,2	200	43.100	45.600	9,3%	3,5%	8,8	2,4	31%
KBC	1.120	4,8	454	31.350	30.000	-3,1%	1,2%	19,1	1,2	7%
PHR	341	1,2	118	66.300	68.400	5,2%	2,0%	13,6	2,1	16%
VTP	438	1,8	196	66.800	129.200	94,6%	1,2%	31,7	6,3	21%
<b>Tài nguyên cơ bản</b>										
DGC	699	11,3	307	48.500	128.300	170,7%	6,2%	7,5	1,2	17%
HPG	7.720	41,6	2.081	24.100	30.000	26,4%	1,9%	9,6	1,5	16%
<b>Dầu khí</b>										
BSR	5.357	21,5	2.534	28.200	16.700	-39,2%	1,5%	10,8	2,1	21%
GAS	7.507	9,2	3.520	82.000	78.400	-1,9%	2,5%	17,1	2,9	18%
OIL	577	4,3	37	14.700	14.800	2,4%	1,7%	42,9	1,4	3%
PLX	1.914	11,0	104	39.700	47.700	23,2%	3,0%	30,8	2,0	7%
PVD	633	8,7	252	30.000	32.600	17,0%	8,3%	14,2	1,0	7%
PVS	737	12,3	247	38.000	41.800	11,7%	1,7%	10,1	1,3	13%
PVT	392	9,8	139	22.000	23.400	7,4%	1,0%	9,1	1,1	13%
<b>Phân bón - Hóa chất</b>										
DPM	673	9,7	303	26.100	22.700	-9,7%	3,3%	15,4	1,5	11%
DCM	810	9,4	318	40.350	40.000	4,1%	5,0%	10,4	1,9	19%
DDV	146	1,7	66	26.300	39.700	54,4%	3,4%	6,1	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	67	0,6	32	21.800	34.100	58,7%	2,3%	#N/A N/A	1,3	9%
<b>Điện</b>										
POW	1.589	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
<b>Điện và BĐS</b>										
HDG	328	2,8	105	23.350	37.400	62,3%	2,1%	13,0	1,3	10%
PC1	305	9,3	117	19.550	26.500	35,5%	0,0%	7,9	1,2	17%
REE	1.238	3,0	0	52.400	76.600	47,8%	1,7%	12,4	1,5	13%
<b>Bất động sản</b>										
DXG	625	10,3	184	14.800	18.300	37,2%	13,5%	69,6	1,2	2%
KDH	975	4,6	237	22.900	41.800	83,8%	1,3%	22,9	1,4	6%
NLG	481	3,5	49	26.150	42.200	63,1%	1,7%	19,3	1,0	6%
VHM	24.731	29,5	10.451	158.700	93.600			10,1	2,5	28%
VRE	2.828	8,5	1.023	32.800	32.000	0,8%	3,2%	10,8	1,5	15%
<b>Công nghệ</b>										
FPT	4.750	36,0	960	73.500	118.200	62,2%	1,4%	12,9	3,2	27%

**MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ****Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: +84 24 3972 4568  
Fax: +84 24 3972 4568

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Tòa nhà 90 Pasteur,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
ĐT: +84 28 7300 0688  
Fax: +84 28 3914 6924

**Chi nhánh Đà Nẵng**

57 Duy Tân,  
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng  
ĐT: +84 511 382 1111  
Fax: NA

**Chi nhánh Vinh – Nghệ An**

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,  
Phường Trường Vinh, Nghệ An  
ĐT: +84 23 8730 2886  
Fax: NA

**Chi nhánh Cần Thơ**

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,  
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ  
ĐT: +84 710 3766 959  
Fax: NA

**Chi nhánh Quảng Ninh**

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,  
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh  
ĐT: +84 98 8619 695  
Fax: NA

**Chi nhánh Thanh Hoá**

Tầng 2, số 11 Hạc Thành  
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa  
ĐT: +84 90 3255 202  
Fax: NA

**Chi nhánh Bình Dương**

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,  
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM  
ĐT: +84 27 4222 2659  
Fax: +84 27 4222 2660

**Chi nhánh Nam Định**

88-90 Phạm Sư Mạnh,  
Phường Nam Định, Ninh Bình  
ĐT: +84 22 8352 8819  
Fax: NA